TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 656/2022/ HNGĐ-ST
Ngày 02-6-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Ông Nguyễn Ron.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, cư trú tại: Số nhà X, đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc H, cư trú tại: Tòa CT Chung cư E, khu phố Y, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (huyện T, tỉnh B) vào ngày 07-01-2019. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống khá hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6-2019, giữa vợ chồng chị bắt đầu có những mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không có được tiếng nói chung, nhiều lần anh H có hành vi xúc phạm, đánh đập chị; anh H không hỗ trợ chị trong các

khoản chi phí sinh hoạt cũng như tiền nuôi dưỡng con chung. Mặc dù, chị đã cố gắng giải quyết nhưng không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ tháng 11-2021 đến nay. Chị nhận thấy chị và anh H không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Phương L (sinh ngày 24-01-2020), sức khỏe bình thường, đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện tại, chị không có mang thai; chị đang kinh doanh online hàng xách tay, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 20.000.000 – 30.000.000 đồng; anh H đang làm giáo viên tại Trường Cao đẳng B, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 7.000.000 – 8.000.000 đồng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản vì tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có.

* Tại bản khai đề ngày 10 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Ngọc H trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị N trình bày. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn. Cách đây 01 năm thì có phát sinh một vài mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng như chị N nêu. Nguyên nhân là do không đồng quan điểm một số vấn đề và đã được gia đình khuyên giải; anh cũng đã cố khắc phục và mong muốn hòa giải nhưng vợ anh không chấp nhận. Anh cũng có trách nhiệm chu cấp nuôi dưỡng vợ, con đầy đủ theo đúng khả năng của mình. Vợ anh đã ra ở riêng từ tháng 112-2021 đến nay. Anh thấy những mâu thuẫn phát sinh trong gia đình chưa đến mức độ cao và nhận thấy bản thân có thể khắc phục được, tình cảm và trách nhiệm của anh vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Nếu trường hợp không thể hòa giải hàn gắn được thì anh xin được cấp dưỡng nuôi con theo đúng trách nhiệm về kinh tế lẫn tình cảm cho con. Hiện nay, anh đang công tác tại Trường Cao đẳng B, thu nhập trung bình hàng tháng từ 7.000.000 – 8.000.000 đồng Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Lê Ngọc H.

- Giao cháu Lê Phương L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L hàng tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (huyện T, tỉnh B) vào ngày 07-01-2019, nên hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, vợ chồng chị N, anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột về tinh thần và thể chất do bất đồng về quan điểm và tính cách; đỉnh điểm là từ tháng 12-2021 chị N, anh H đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, không còn trách nhiệm với nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Xét tình trạng hôn nhân của chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho chị N và anh H ly hôn.

[3] Chị N và anh H có 01 con chung là Lê Phương L, sinh ngày 24-01-2020. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi con. Xét điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con chung cũng như cháu L chưa đủ 36 tháng tuổi. Cho nên, Tòa thấy cần giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng theo yêu cầu của chị N là phù hợp và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Ngọc H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Lê Phương L (sinh ngày 24-01-2020) cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Anh Lê Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu L mỗi tháng là 500.000 đồng, kể từ tháng 6-2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003152 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2. Anh Lê Ngọc H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh